TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-3-2023
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Quốc Tr.

2. Ông Lê Văn Nh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Th – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 05/2023/TLST- DS ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Châu Kh, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố 3, phường 1, thị xã KT, tỉnh L.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp BT1, xã BHT, huyện M, tỉnh L.

Bà Kh có mặt; ông H1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Châu Kh: Bà Nguyễn Thị Châu Kh yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh H1. Về con chung, một con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh Nh1, sinh ngày 11/4/2016, con chung đang ở với bà Kh, bà Kh yêu cầu nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Kh xác định không có.

Yêu cầu, đề nghị của ông Nguyễn Thanh H1: Ông H1 vắng mặt, không có ý kiến.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do bà Nguyễn Thị Châu Kh cung cấp: Giấy CMND, sổ hộ khẩu của bà Kh (photo); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); trích lục khai sinh Nguyễn Ngọc Quỳnh Nh1 (bản chính); bản tự khai.

Chứng cứ do ông Nguyễn Thanh H1 cung cấp: Không có.

Các tình tiết của vụ án:

Bà Kh trình bày:

Bà Kh và ông H1 đăng ký kết hôn tại UBND xã BHT vào năm 2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, vợ chồng có một con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh Nh1, sinh ngày 11/4/2016.

Sau khi có con, vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn lớn, tình trạng trầm trọng. Nguyên nhân do ông H1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm bà Kh. Ông H1 còn thường xuyên đánh đập, chửi mắng và hăm dọa giết bà Kh. Hiện nay, cả hai không còn sống chung nhà, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau và đã ly thân từ cuối năm 2022. Bà Kh nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Kh không còn tình cảm với ông H1. Do đó, bà Kh khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H1. Về con chung, bà Kh yêu cầu nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. thời gian tính từ tháng 3/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Bà Kh đề nghị không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*:* Bà Nguyễn Thị Châu Kh và ông Nguyễn Thanh H1 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã BHT và có giấy chứng nhận kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Kh khởi kiện yêu cầu ly hôn là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt ông Nguyễn Thanh H1: Ông Nguyễn Thanh H1 vắng mặt không có lý do dù đã được tống đạt hợp lệ nhiều lần. Do

đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông H1.

[3]. Về yêu cầu ly hôn:

[3.1]. Bà Kh trình bày về mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân. Ông H1 vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của bà Kh để giải quyết theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2]. Theo lời trình bày của bà Kh thể hiện cả hai thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong mọi việc. Ông H1 thường xuyên đánh đập, chửi mắng và hăm dọa giết bà Kh. Cả hai không còn sống chung nhà, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Việc ông H1 vắng mặt thể hiện ông H1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[3.3]. Bà Kh xác định không còn tình cảm với ông H1. Điều này thể hiện tình nghĩa vợ chồng giữa bà Kh và ông H1 không còn vì hôn nhân chỉ có thể tồn tại khi cả hai còn tình cảm với nhau. Đồng thời, thể hiện việc chung sống giữa bà Kh và ông H1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

[3.4]. Từ những nhận định trên, căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Kh đối với ông H1.

[4]. Về con chung: Ông H1 không có ý kiến về yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà Kh. Xét thấy, một con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh Nh1, sinh ngày 11/4/2016, con chung đang sống với bà Kh nên bà Kh trực tiếp nuôi dưỡng con chung sẽ tốt hơn, giúp cho con chung phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Do đó, căn cứ Điều 69, Điều 70, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Kh.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Kh yêu cầu nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. thời gian tính từ tháng 3/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà Kh là phù hợp quy định tại Điều 107, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình nhưng mức cấp dưỡng cần điều chỉnh,

buộc ông H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[6]. Về tài sản chung: Bà Kh xác định không có tài sản chung, ông H1 vắng mặt, không có yêu cầu nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến bà Kh về việc không có tài sản chung.

[7]. Về nợ chung: Bà Kh xác định không có nợ chung, ông H1 vắng mặt, không có ý kiến, cũng không có ai yêu cầu về nợ chung nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến bà Khvề việc không có nợ chung.

[8]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Châu Kh phải chịu án phí hôn nhân - gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 5, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Châu Kh đối với ông Nguyễn Thanh H1, cho bà Kh được ly hôn ông H1.

2. Về con chung:

2.1. Căn cứ vào Điều 69, Điều 70, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Châu Kh về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà Kh được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Ngọc Quỳnh Nh1, sinh ngày 11/4/2016, con chung đang sống với bà Kh.

2.2. Căn cứ vào Điều 107, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Châu Kh về cấp dưỡng nuôi con chung, buộc ông Nguyễn Thanh H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 (bảy trăm bốn mươi lăm ngàn) đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi

2.3. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 110,116 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Nguyễn Thị Châu Kh về việc không có tài sản chung.

4. Về nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Nguyễn Thị Châu Kh về việc không có nợ chung.

5. Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội:

5.1. Buộc bà Nguyễn Thị Châu Kh phải chịu án phí Hôn nhân - gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí bà Kh đã nộp theo biên lai số 0010559 ngày 02 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M sang thi hành án phí, bà Kh đã nộp đủ án phí.

5.2. Buộc ông Nguyễn Thanh H1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

6. Căn cứ vào các Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Bà Nguyễn Thị Châu Kh có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Thanh H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- UBND xã BHT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh L1